

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 56/2018/HS-ST
Ngày: 28/9/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thúy Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Xuân Nghiêm
2. Ông Đỗ Đức Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2018/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 111/2018/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

DƯƠNG NGỌC T (Tên gọi khác: không) - sinh ngày 02/01/1985;

Nơi sinh: thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: tổ H, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: không;

Họ và tên bố: Dương Ngọc T, sinh năm 1960 (đã chết);

Họ và tên mẹ: Nông Thị V, sinh năm 1962; nơi cư trú: tổ H, phường ĐT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Anh, chị, em ruột: có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình;

Vợ: Chu Thị P, sinh năm 1991; trú tại: xã KC, huyện BL, tỉnh Cao Bằng;

Con: bị cáo có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền sự: không;

Tiền án: không;

Nhân thân: - Năm 2004 bị Công an thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử lý vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích;

- Năm 2009 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng tại Thanh Hà, Vĩnh Phúc;

- Ngày 19/6/2017 bị Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng xử lý vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/7/2018. Hiện bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú; "Có mặt".

- *Người bị hại:* Nông Văn T - sinh năm 1989;

Nơi cư trú: tổ N, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; "Vắng mặt, có lý do".

- *Người có quyền lợi liên quan:* Nguyễn Minh Đ - sinh năm 1986;

Nơi cư trú: tổ MH, phường SB, thành phố CB; "Vắng mặt, có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04 tháng 7 năm 2018 Công an phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng nhận đơn trình báo của anh Nông Văn T (sinh năm: 1989, nơi cư trú: tổ N, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) về việc sáng ngày 04/7/2018 anh T phát hiện chiếc điện thoại di động OPPO F3 màu trắng-vàng để trên tủ kính trong xưởng sửa xe ô tô tại tổ N, phường SH, thành phố CB của anh đã bị mất trộm nên anh T làm đơn trình báo đề nghị cơ quan Công an phường Sông Hiến giúp đỡ tìm lại tài sản.

Cùng ngày, Công an phường Sông Hiến đã chuyển toàn bộ hồ sơ và tài liệu liên quan của vụ án đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng để thụ lý theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành điều tra, xác minh và xác định được đối tượng thực hiện vụ trộm cắp tài sản trên là Dương Ngọc T (sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ H, phường DT, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng).

Tại cơ quan điều tra, Dương Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình: do không có tiền mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân nên khoảng 07 giờ 30 ngày 04/7/2018 T đi bộ từ nhà đến khu vực tổ N, phường SH, thành phố CB để tìm chỗ xin việc làm. Khi đến xưởng sửa chữa ô tô TV (chủ xưởng là anh Nông Văn T, sinh năm 1989, trú tại: tổ N, phường SH, thành phố CB). T đứng ở bên ngoài nhìn vào xưởng sửa chữa ô tô thấy không có người, T nảy sinh ý định vào trong xưởng xem có tài sản gì thì trộm cắp. Sau đó T đi vào trong xưởng thấy trên nóc tủ kính có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu trắng - vàng. T lấy chiếc điện thoại trên cho vào túi quần bên phải và đi bộ về hướng trung tâm thành phố CB để tìm chỗ bán. Khi đi đến gần ngã tư N, phường SH, thành phố CB, T đi nhờ xe máy của một người không quen biết ngang qua đường đến vòng xuyên gần Bến xe khách thành phố CB. Trên đường đi T tắt nguồn chiếc điện thoại, rút sim trong chiếc điện thoại ra.

Sau đó T một mình đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại cũ có tên ĐN (tại tổ B, phường SB, thành phố CB) và gặp chủ cửa hàng là anh Nguyễn Minh Đ (sinh năm 1986, trú tại: tổ MH, phường SB, thành phố CB) để bán chiếc điện thoại trên. Do điện thoại có mặt khóa không mở được nên anh Đ không đồng ý mua. T đã cầm đặt chiếc điện thoại đó với anh Đ và lấy số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau đó, T đi xe buýt về nhà tại tổ H, phường ĐT, thành phố CB. Số tiền T đặt chiếc điện thoại trên T đã mua ma túy về sử dụng hết 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng); mua thuốc lá, uống nước và đi xe buýt hết 100.000đ (một trăm nghìn đồng), số tiền còn lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), cơ quan công an đã lập biên bản tạm giữ số tiền trên.

Quá trình điều tra người bị hại Nông Văn T trình bày: T là chủ xưởng sửa chữa ô tô TV tại tổ N, phường SH, thành phố CB. 07 giờ ngày 04/7/2018 T mở cửa xưởng để làm việc, T có để 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3, màu trắng - vàng ở trên nóc tủ kính. Do bận làm việc T không chú ý đến khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày thì T phát hiện chiếc điện thoại trên bị mất. Lúc đó, T nghi ngờ ngay T nhà ở tổ H, phường ĐT, thành phố CB lấy trộm. Vì thời gian gần đó T thường đến xưởng sửa chữa của T và hay ngó nghiêng các đồ vật trong xưởng, T còn là đối tượng nghiện ma túy. Chiếc điện thoại trên là điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO F3, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, bên trong ốp lưng có 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Nông Văn T. Chiếc điện thoại đó T mua tại cửa hàng T ở phường SH, thành phố Cao Bằng với giá 6.990.000đ (sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) từ ngày 05/10/2017.

- Người có quyền lợi liên quan Nguyễn Minh Đ trình bày: Đ mở cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại cũ mang tên ĐN tại tổ B, phường SB, thành phố CB từ tháng 7/2017 có giấy phép kinh doanh. Tại cửa hàng Đ trực tiếp là người sửa chữa, mua bán điện thoại với khách. Khoảng 10 giờ ngày 04/7/2018 có một người đàn ông đến cửa hàng Đ và nói tên là T, khi đến người đó mang theo 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu trắng vàng, có ốp lưng trong suốt (điện thoại đã qua sử dụng) và nói chiếc điện thoại này là của vợ nhưng bị con nghịch nên bị khóa mặt khóa không mở được nhờ Đ mở khóa điện thoại nhưng Đ từ chối. Sau đó, người ấy nói muốn bán chiếc điện thoại nhưng do điện thoại bị khóa không mở được, không kiểm tra được chức năng bên trong nên Đ không mua. Người đó lại đặt vấn đề muốn cầm điện thoại và cầm trong 10 ngày với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Đ đồng ý và đưa số tiền 1.000.000đ cho người đó như đã thỏa thuận. Nguồn gốc của chiếc điện thoại đó như thế nào Đ không biết, theo người đó nói là của vợ. Do điện thoại không mở được mặt khóa nên Đ không mua mà chỉ cho người đó cầm cố. Đ cho người đó cầm vì mục đích lợi nhuận để hưởng tiền lãi (tiền lãi mỗi ngày 5.000đ) nếu người đó không quay lại trả tiền thì Đ sẽ bán thanh lý chiếc điện thoại. Đây là lần đầu tiên Đ nhận cầm đặt điện thoại với người đàn ông đó. Đề nghị xử lý đối tượng theo quy định pháp luật. Về số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) Đ đưa cho người đó khi cầm đặt chiếc điện thoại Đ không yêu cầu người đó bồi thường.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 100 đối với vật chứng vụ án. Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KH-TCKH ngày 06/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng kết luận: *“01 chiếc điện thoại di động OPPO F3, màu trắng - vàng, mua mới và sử dụng từ tháng 10/2017 có giá trị tài sản là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).*

Như vậy, giá trị tài sản mà Dương Ngọc T đã trộm cắp được là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hành vi của Dương Ngọc T đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 55/CT - VKSTP ngày 06 tháng 9 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Dương Ngọc T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Dương Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Dương Ngọc T trộm cắp tài sản trên mục đích đem bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Ngọc T khai nhận về hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và thừa nhận: do không có tiền mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân nên khoảng 07 giờ 30 ngày 04/7/2018 T đi bộ từ nhà đến khu vực tổ N, phường SH, thành phố CB để tìm chỗ xin việc làm. Khi đến xưởng sửa chữa ô tô TV (chủ xưởng là anh Nông Văn T). T đứng ở bên ngoài nhìn vào xưởng thấy không có người, T nảy sinh ý định vào trong xưởng xem có tài sản gì thì trộm cắp. T đi vào trong xưởng thấy trên nóc tủ kính có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu trắng vàng. T lấy chiếc điện thoại trên và đi bộ về hướng trung tâm thành phố CB để tìm chỗ bán. Trên đường đi T tắt nguồn chiếc điện thoại, rút sim trong chiếc điện thoại ra. Sau đó một mình T đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại cũ (không rõ tên cửa hàng) ở phường SB, thành phố CB để bán chiếc điện thoại trên. Do điện thoại có mặt khóa không mở được nên chủ cửa hàng (tên là Đ) không mua. T đã cầm đặt chiếc điện thoại đó với Đ lấy số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau đó đi xe buýt về nhà tại tổ H, phường ĐT, thành phố CB. Số tiền T đặt được từ chiếc điện thoại T đã mua ma túy về sử dụng hết 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng); mua thuốc lá, uống nước và đi xe buýt hết 100.000đ (một trăm nghìn đồng), số tiền còn lại 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) cơ quan công an đã lập biên bản tạm giữ số tiền trên. Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng thực tế hành vi phạm tội của bị cáo và truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là đúng tội và thừa nhận giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Mục đích của việc trộm cắp tài sản trên là đem bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Dương Ngọc T và người bị hại nhất trí với kết luận định giá tài sản và không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng.

Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa người bị hại Nông Văn T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) đã nhận lại tài sản (01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu trắng vàng) không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Nguyễn Minh Đ vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng ông đã đưa cho bị cáo khi cầm đặt chiếc điện thoại.

Vật chứng của vụ án theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/8/2018 gồm: số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đã được niêm phong. Đây là tiền do bị cáo cầm đặt chiếc điện thoại trộm cắp được mà có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Dương Ngọc T về tội danh, điều luật như đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: bị cáo Dương Ngọc T phạm tội trộm cắp tài sản.
- Về mức hình phạt: đề nghị xử phạt bị cáo Dương Ngọc T với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.
- Về hình phạt bổ sung: bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Người bị hại đã nhận lại tài sản tại cơ quan điều tra.
 - + Buộc bị cáo nộp lại số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo cầm đặt điện thoại trộm cắp được mà có.
- Xử lý vật chứng: áp dụng quy định của pháp luật Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu số tiền 200.000đ là tiền do phạm tội mà có để sung vào công quỹ nhà nước.
- Về án phí: theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội... Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên thu thập và về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Dương Ngọc T đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình. Khoảng 07 giờ 30 ngày 04/7/2018 T được đến xưởng sửa chữa ô tô TV (chủ xưởng là anh Nông Văn T) ở tổ N, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu trắng vàng để ở trên nóc tủ kính. Sau đó, đem chiếc điện thoại lấy trộm được đến cửa hàng sửa chữa, mua bán điện thoại cũ không rõ tên cửa hàng (sau này mới biết tên cửa hàng là ĐN) ở phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để bán nhưng do điện thoại có mặt khóa không mở được nên chủ cửa hàng (tên là Đ) không mua. T đã cầm đặt chiếc điện thoại đó với Đ và lấy số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Số tiền đặt chiếc điện thoại T đã mua ma túy về sử dụng hết 700.000đ; mua thuốc lá, uống nước và đi xe buýt hết 100.000đ, còn lại 200.000đ cơ quan công an đã lập biên bản tạm giữ. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 30 ngày 04/7/2018, Dương Ngọc T đã trộm cắp 01(một) chiếc điện thoại di động OPPO F3, màu trắng vàng có giá trị là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng) của anh Nông Văn T. Mục đích của việc trộm cắp tài sản trên là T đem bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cho bản thân.

Bị cáo Dương Ngọc T đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của anh Nông Văn T định đem bán lấy tiền để sử dụng ma túy và chi tiêu cho bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Là người đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Mục đích của bị cáo là trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền để mua ma túy về sử dụng. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Như vậy, hành vi của bị cáo Dương Ngọc T đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...”

Đây là vụ án trộm cắp tài sản do một mình bị cáo Dương Ngọc T thực hiện. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để sử dụng ma túy và chi tiêu cho bản thân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Giá trị tài sản bị cáo T chiếm đoạt là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Dương Ngọc T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: lợi dụng sự sơ hở, sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản, ngay giữa ban ngày một mình bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu trắng vàng của anh Nông Văn T trên địa bàn phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng để phục vụ cho việc sử dụng ma túy và chi tiêu của bản thân. Hành vi của bị cáo là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những chỉ xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 3.752.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng). Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng và cần thiết. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về nhân thân của bị cáo: bị cáo có trình độ học vấn 11/12 phổ thông là người có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng do không chịu tu dưỡng bản thân, muốn có tiền để sử dụng ma túy và chi tiêu cho bản thân bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản của người khác. Năm 2004 bị cáo bị Công an thị xã Cao Bằng (nay là thành phố Cao Bằng) xử lý vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích; năm 2009 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng tại Thanh Hà, Vĩnh Phúc; Ngày 19/6/2017 bị Công an phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng xử lý vi phạm hành chính (cảnh cáo) về hành vi trộm cắp tài sản (đã hết thời hiệu). Xét nhân thân bị cáo là xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Bị cáo đã được giáo dục nhiều lần nhưng vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân lại đi vào con đường phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác trong việc quản lý

tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận về hành vi mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Dương Ngọc T với mức án từ 09 đến 12 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy, mức đề nghị về hình phạt trên là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo thực hiện nên cần chấp nhận.

Về hình phạt chính: căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội làm gương cho người khác.

Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Vì vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với vật chứng vụ án là 01 chiếc điện thoại di động OPPO F3 màu trắng - vàng. Trong quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại tài sản không làm ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử vụ án nên cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 41 ngày 12/7/2018 trao trả tài sản cho chủ sở hữu là anh Nông Văn T.

Đối với Nguyễn Minh Đ là người đã nhận đặt chiếc điện thoại với T. Qua điều tra xác minh khi nhận cầm đặt điện thoại Đ không biết chiếc điện thoại trên là do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với Đ.

Về trách nhiệm dân sự: đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động OPPO F3 màu trắng - vàng. Quá trình điều tra đã thu hồi được tài sản và xác định chủ sở hữu là Nông Văn T (sinh năm: 1989, nơi cư trú: tổ N, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng). Cơ quan Công an đã tiến hành trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu theo biên bản trả lại tài sản ngày 16/7/2018. Xét thấy, việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan Công an là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa người bị hại Nông Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận lại tài sản (01 điện

thoại di động OPPO F3 màu trắng - vàng). Anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết về bồi thường.

Tại phiên toà Nguyễn Minh Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông Đ không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) mà ông đã bỏ ra để cầm đặt chiếc điện thoại với T. Tuy nhiên, đây là khoản tiền do bị cáo T đặt tài sản trộm cắp mà có nên cần buộc bị cáo T nộp lại số tiền trên để nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng, xử lý vật chứng: vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án hiện nay đang tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/8/2018 gồm: số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đã được niêm phong, đây là tiền do bị cáo cầm đặt chiếc điện thoại trộm cắp được mà có, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: bị cáo Dương Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: bị cáo và những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- *Áp dụng:* khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Dương Ngọc T.

2. Xử phạt: bị cáo Dương Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi trại thụ hình.

- Tịch thu số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) do phạm tội mà có đối với bị cáo Dương Ngọc T để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

- Người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) đã được niêm phong.

Xác nhận số vật chứng đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 21/8/2018.

5. *Về án phí*: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bị cáo Dương Ngọc T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. *Về quyền kháng cáo*: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt (có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

- Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thị hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hằng